

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XL
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2022
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XL, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Tiến**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Xuân Tùng**.

2. Bà **Trần Thị Kim Tân**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Hồ Thị Th**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp 4, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

* **Bị đơn:** Ông **Hồ Quốc D**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp 4, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh XL.

Địa chỉ: 296 Hùng Vương, khu phố 3, thị trấn GR, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh XL: Ông **Vũ Duy Ph** - Giám đốc.

(Bà Th, ông D, ông Ph vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Th trình bày: Bà và ông Hồ Quốc D tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã nhau, ông D

đánh đập bà. Từ đầu năm 2021 vợ chồng không còn sống chung, quan tâm đến nhau nữa. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Quốc D.

Về con chung: Có 04 con chung tên Hồ Hoài D, sinh ngày 13/6/2004, Hồ Ý Th, sinh ngày 06/01/2009, Hồ Nghi Q, sinh ngày 05/10/2011 và Hồ Anh Đ, sinh ngày 07/10/2017. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung tên Th, Q, Đ đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên D đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Xuân Lộc 400.000.000 đồng nhưng không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Quốc D trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung ông đồng ý giao 03 con chung tên Th, Q, Đ cho bà Th nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Con chung tên Diễm đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Xuân Lộc 400.000.000 đồng nhưng không yêu cầu giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh XL trình bày: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh XL có cho ông Hồ Quốc D, bà Hồ Thị Thu Th vay số tiền 400.000.000 đồng, nhưng ông D, bà Th không vi phạm trong việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XL tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự và thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Hồ Thị Th đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn ông Hồ Quốc D đã không chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Th, chị Thủy được ly hôn với anh Hồ Quốc D.

Về con chung: giao 03 con chung cháu Hồ Ý Th, sinh ngày 06/01/2009; Hồ Nghi Q, sinh ngày 05/10/2011; Hồ Anh Đ, sinh ngày 07/10/2017 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi 03 cháu Th, Q, Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Hồ Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hồ Quốc D, yêu cầu nuôi con chung, ông Hồ Quốc D có nơi cư trú tại ấp 4, xã X, huyện XL, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ pháp luật là: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị Th, ông Vũ Duy Ph có đơn xin vắng mặt, ông Hồ Quốc D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Th, ông Ph, ông D là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Th và ông Hồ Quốc D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Bà Hồ Thị Th yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Quốc D do cuộc sống chung không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông D đánh đập bà. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2021 đến nay. Ông D cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn. Như vậy, qua lời khai của bà Th, ông D cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Th, ông D đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Bà Th, ông D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà Hồ Thị Th yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung tên Hồ Ý Th, sinh ngày 06/01/2009, Hồ Nghi Q, sinh ngày 05/10/2011 và Hồ Anh Đ, sinh ngày 07/10/2017 đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, còn con chung tên Hồ Hoài D đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Ông D đồng ý giao các con chung cho bà Th nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy bà Th có đủ điều kiện nuôi các con chung, các con chung đang do bà Th nuôi dưỡng, có nguyện vọng được bà Th tiếp tục nuôi dưỡng nên giao các con chung tên Th, Q, Đ cho bà Th nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại

Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồ Thị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Th và ông Hồ Quốc D không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Hồ Thị Th, ông Hồ Quốc D và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh XL không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Hồ Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Th.

1. Cho bà Hồ Thị Th được ly hôn với ông Hồ Quốc D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Ý Th, sinh ngày 06/01/2009, Hồ Nghi Q, sinh ngày 05/10/2011 và Hồ Anh Đ, sinh ngày 07/10/2017 cho bà Hồ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Hồ Thị Th không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Ông Hồ Quốc D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con của bà Hồ Thị Th.

Khi cần thiết, ông Hồ Quốc D và bà Hồ Thị Th được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hồ Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0005852 ngày 27/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện XL, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành tiền án phí. Bà Hồ Thị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị Th và ông Hồ Quốc D, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Xuân Lộc được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện XL;
- Chi cục THADS huyện XL;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Tiến